

THẰNG BỜM CÓ CÁI QUẠT MO

Ca dao, tục ngữ, ngạn ngữ, phương ngôn trong nền văn hóa Việt vô cùng phong phú. Có thể nói đó là những áng văn chương mộc mạc, bình dị nhưng thể hiện trọn vẹn nhất, đầy đủ nhất và trung thực nhất kinh nghiệm sống, khí phách, tâm tư tình cảm, tư tưởng và v.v... trong dòng sống Việt từ ngàn xưa. Nó phản ánh được toàn bộ sinh hoạt của người dân Việt trong mọi lãnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, giáo dục, cách xử thế, v.v... Nó là kho tàng quý báu của nền văn hóa Việt gồm có những bài ca dao như những thông điệp của tổ tiên truyền lại để con cái Việt noi theo.

Trong cuộc sống, khi có mâu thuẫn, ông cha ta khuyên hãy khước từ bạo lực, đối thoại để giải quyết vấn đề:

Khôn chẳng qua lễ, khỏe chẳng qua lời.

Về tín ngưỡng và tôn giáo:

*Trống làng nào làng ấy đánh,
Thánh nhà nào làng ấy thờ.*

Về cách sống hướng thượng:

*Học ăn, học nói, học gói, học mở
hoặc:
Trăm hay xoay vào lòng
hay:
Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng.
Nhụy vàng bông trắng lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

Về tình thương:

*Thương người, người lại thương ta,
Ghét người mình lại hóa ra ghét mình.
Rồi không còn phân biệt mình người:
Thương người như thể thương thân.*

Thường thường ca dao rõ ràng, trong sáng, giản dị nhưng hàm chứa những ẩn dụ về nghệ thuật sống dân gian như bài ca dao "Thằng Bờm có cái quạt mo", một trong những bài ca dao làm cho chúng ta nhức óc. Bài ca dao mang tính triết lý đã được biết bao người bình giải để minh định thái độ và quan niệm theo cái nhìn định kiến của mình.

Loại bỏ ý kiến cho rằng chỉ có "kinh thi" của Trung Quốc hoặc ngụ ngôn của Pháp mới có giá trị triết lý, giáo dục, v.v., còn ca dao Việt Nam nôm na, tầm thường chẳng có giá trị gì.

Bài ca dao Thằng Bờm có cái quạt mo chỉ để điều cợt cái khờ dại, xuân ngốc của Bờm, chứ nội dung không bao hàm ý nghĩa gì.

*Thằng Bờm có cái quạt mo,
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu,
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè,
Phú ông xin đổi ba bè gỗ lim.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim,
Phú ông xin đổi đôi chim đồi mồi.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi,
Phú ông xin đổi năm xôi Bờm cười.*

Có người nhìn Bờm ở góc độ chưa vượt ra khỏi miếng ăn. Không biết những gì khác ngoài "chén cơm" nên khi phú ông xin đổi "năm xôi", Bờm cười nhận lời ngay. Thiên hạ đang trên đà tiến tới không ngừng về mọi mặt - từ ăn no sang ăn ngon, từ mặc ấm đến mặc đẹp - còn Bờm thì đang dậm chân tại chỗ.

Phân đông cho rằng Bờm không khờ dại hay ngu đần. Bờm chẳng lấy trâu bò, cá mè, gỗ lim, chim đồi mồi bởi lẽ những thứ ấy tuy thực dụng nhưng ở tương lai. Đó là những vật ngoài tầm tay của Bờm. Bờm bằng lòng đổi cái quạt mo với năm xôi, vì nó ở ngay trước mắt. Nó thực tiễn. Nó là đáp số cho sự sống còn của Bờm ngay bây giờ. Hơn nữa, nó còn nói lên tính thuần lương của Bờm. Trao đổi như thế là sòng phẳng, giữa năm xôi và cái quạt mo, giá trị không có gì chênh lệch: rất công bằng.

Có lẽ chúng ta không nên dậm chân tại đây mà thử tìm một giải thích hợp tình hợp lý, lý giải, ứng dụng, hiện thực của cuộc sống dân tộc và suy tư của người nông dân Việt. Sống ở nông thôn, Bờm hẳn phải biết trâu bò, cá mè, gỗ lim là những vật quý giá vô cùng. Thế mà phú ông dùng đủ mọi cách để dụ Bờm đổi cái quạt mo, nào trâu bò, cá mè, gỗ lim - từ cái hữu dụng đến cái gọi thích - chim đồi mồi, Bờm đều từ chối. Phú ông dùng độc chiêu, đánh đòn bao tử, bắt ép, đem năm xôi gọi thêm, Bờm cười.

Theo tự điển của ông Lê Văn Đức cùng một nhóm văn hữu biên soạn, Lê Ngọc Trụ hiệu đính thì có trên 90 loại cười: cười ha hả, cười ruồi, cười tình, cười đã lẽ, cười nhếch mép và vân vân.. Cần có trạng từ đi kèm, nụ cười mới rõ nghĩa. Nhưng qua nội dung và bối cảnh sống thực tiễn thì nụ cười của Bờm là nụ cười biểu lộ ý không bằng lòng. Bờm đã nhiều lần thắng thần từ chối không chút màu mè giả dối, dù phú ông có thể lực, có tài sản: trâu bò, ao cá, gỗ lim, đồi mồi ... Bây giờ không muốn trả lời "không" nữa, nên Bờm cười đáp lễ.

Giả thiết rằng tác giả bài ca dao, tuy không nói ra, nhưng chúng ta vẫn có thể hình dung được nụ cười của Bờm đi kèm với động tác lắc đầu nhẹ nhàng để biểu lộ cái ý không chấp nhận của mình.

Chúng ta thử nhìn ở một góc độ khác. Trong nhà phú ông chắc chắn phải có đủ loại quạt, quạt lụa, quạt the, quạt lông- phải có kẻ hầu hoặc hai, ba bà vợ hầu quạt cho ông, ông cần gì phải

có cái quạt mo của người nông dân. Vậy cái quạt mo của Bờm là cái gì mà khiến cho phú ông quyết tâm dùng đủ mọi cách để đoạt cho được cái quạt mo. Nếu là cái quạt mo đơn thuần, phú ông chỉ cần bỏ tiền ra mua mo cau hoặc dùng mo cau ở vườn nhà, thuê người làm mấy cái mà không được. Chỉ có cách giải thích "cái quạt ông không có" mà Bờm lại "có", cái đó không phải là cái quạt mo, nhưng được tượng trưng bằng cái quạt mo. Ngụ ý này có trên hiện thực là cuộc sống với con người phú ông và thằng Bờm là thực.

Bờm biểu tượng cho người nông dân Việt chất phác, thuần lương, thẳng thắn, an vui với cái mình đang có, chấp nhận cuộc sống hiện tại mà người ta thường diễn tả theo ngôn từ đạo học thật kêu là sống trọn vẹn với thực tại. Bờm đại diện cho người dân Việt còn giữ được truyền thống của dân tộc. Lịch sử cho thấy hơn một ngàn năm dưới ách đô hộ phương Bắc, chế độ xã thôn tự trị đã bảo toàn được sinh mệnh văn hóa dân tộc. Nhờ thế mà sau hơn mười thế kỷ Bắc thuộc, người Việt vẫn còn là người Việt, sống nếp sống Việt.

Có hai hạng người, loại theo danh, loại vì lợi; Bờm không háo danh, không bị mãnh lực đồng tiền lôi cuốn, thấy lợi không thay đổi lòng, gặp thế lực quyền uy không khiếp sợ. Bờm không sợ gian nan nghèo khổ nên phú ông xin đổi năm xôi, Bờm cười. Đó là nụ cười biểu lộ ý không chấp nhận. Đó là cái cười nhạt, cười mỉa. Bờm giữ trọn khí tiết của một con người sống thực, sống đúng, sống biết: con người trưởng thành.

Tất cả khí phách và nhân cách ấy làm sao hạng người còn vương theo danh lợi như phú ông có được. Và hạng người như phú ông làm sao khuyh đảo được Bờm. Ngôn ngữ văn hóa bác học kêu to, thật ra người nông dân Việt sống nếp sống bình thản, hồn nhiên, mộc mạc chân thật, biết tiếp nhận cái gì đang có và vui với việc đang làm, thật giản dị, bình thường.

Chính cái khí phách ấy, tinh thần tự lực tự cường khiến cho dân tộc Việt có khả năng chống chọi với bất cứ thế lực ngoại xâm nào để giữ vững được độc lập tự do, đồng thời bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc.

Phú ông đại diện cho lớp người bị bật ra khỏi truyền thống văn hóa dân tộc về vật chất cũng như tinh thần. Cho nên phú ông không thể có cái mà Bờm có được. Cái Bờm có mà phú ông không có là nếp sống hài hòa giản dị, chất phác an nhiên tự tại của người nông dân, với gia đình phân công hòa thuận (thuận vợ thuận chồng tát biển đông cũng cạn), không chịu ảnh hưởng sâu đậm của Nho giáo. Chính tinh thần truyền thống dân tộc đó và hệ thống xã thôn tự trị đã duy trì được sinh mệnh văn hóa dân tộc suốt chiều dài lịch sử.

Mặt khác phú ông cũng đại diện cho lớp người biết tìm về với truyền thống dân tộc - tinh hoa của đạo sống Việt, tinh hoa của tư tưởng Việt. Là người Việt, là dân tộc Việt không thể dùng tư tưởng Hán, hay Ấn Độ hoặc tây phương kể cả Bắc Mỹ (tư bản, cộng sản, thực dụng cực đoan) làm nền tảng cho việc phát triển đất nước. Phải vận dụng tinh hoa đạo sống Việt với sự tiếp thu có chọn lựa. Có nghĩa là tự ý thâm nhận, trong tinh thần tự chủ mang tính khai phóng và dung hòa trong giao lưu, những cái gì có lợi và thích hợp với tinh tự dân tộc để làm phong phú nền văn hóa dân tộc, bằng các chất bổ dưỡng thích hợp khác của thế giới.

Truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc - đạo sống Việt, tinh hoa nếp sống Việt - không những chỉ là nội lực, cội nguồn, bản sắc của dòng sinh mệnh dân tộc mà còn là yếu tố thiết yếu trong sự tiếp nhận thành công xu thế toàn cầu hóa liên quốc gia hiện nay. Sự gãy đổ kinh tế của Á châu trong toàn bộ kiến trúc kinh tế toàn cầu gần đây, một phần không nhỏ, có thể do sự áp đặt một cách máy móc nền văn minh kỹ thuật Tây phương mà bất kể đến truyền thống văn hóa của những xã hội Đông phương... Trong thế giới liên quốc gia, mọi người đều cần gốc rễ, cần phải ý thức mình thuộc về một cộng đồng địa phương nào đó. Về mặt kinh tế, các kế hoạch phát triển quốc gia cũng như quốc tế nếu tách rời khỏi nền tảng văn hóa dân tộc thì sớm muộn gì cũng đưa đến thất bại.(1)

Thế mà có người viết sách miệt thị, phỉ báng tổ tiên một cách thậm tệ, với chủ trương vứt bỏ hết truyền thống văn hóa - xấu lẫn tốt - và bắt Tổ Quốc phải ăn năn. Nực cười cho những người làm chính trị thất bại bỏ nước chạy, không cố gắng tìm ra sai lầm làm mình thất bại, lại viết báo ủng hộ lập trường phỉ báng tổ tiên, bắt tổ quốc phải ăn năn(?)

"Chúng ta phải ý thức cái đồng rác lịch sử, cái đồng rác văn hóa chỉ là sản phẩm của thời đại, chỉ là một bất hạnh nhất thời của lịch sử. Ở cận đại lịch sử, tổ quốc Việt Nam bị đủ mọi đế quốc chà đạp, khối quốc dân Việt Nam đã bị đủ mọi thứ ý thức hệ ngoại lai đầu độc. Tổ quốc và dân tộc đã bị kiệt lực, đã bị sa đọa là như vậy. Dòng lịch sử Việt Nam có những rác rưởi lèngh bệnh, nhưng đây không phải là lý do để chúng ta phủ nhận và đòi tạt cạn nguồn để cắt bỏ dòng lịch sử đó. Ở bất cứ một thời đại nào, ở bất cứ quốc gia nào, cũng có một lúc nào đó, có những chế độ chính trị, cũng có con người lãnh đạo chính trị sai lầm đưa tổ quốc và dân tộc vào vòng hoạn nạn. Nhưng chính cái quá khứ lịch sử của một dân tộc, chính cái dòng văn hóa của một dân tộc đã giúp dân tộc đó tồn tại. Người ta bảo giữ được văn hóa, giữ được lịch sử là giữ được dân tộc. Lịch sử một dân tộc với những huyền sử, dã sử, ngoại sử, chính sử ... là ký ức là lòng kiêu hãnh, là sự tin tưởng, là khát vọng của khối dân tộc, là động lực thúc đẩy ý chí làm lịch sử của một khối dân tộc."(2)

Cái làm lẫn của phú ông ở chỗ nghĩ rằng dùng tiền và thế lực là có thể trở về với truyền thống dân tộc. Một khi đầu óc bị tư tưởng ngoại lai đầu độc - không phân biệt được bản chất (cái cốt lõi của văn hóa Việt) với hiện tượng (cái rác rưởi nổi lèngh bệnh trên mặt do ảnh hưởng của tư tưởng ngoại lai) - không thể dùng tiền, thế lực, bằng cấp hoặc phỉ báng, miệt thị tổ tiên mà giải độc được. Việc cần phải làm là trở về với chính mình, "trăm hay xoay vào lòng vì ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình", để thực hiện cuộc cách mạng tâm linh (Dalai Lama) hay cuộc chuyển hóa tâm thức (Krishnamurti) nhằm hóa giải mọi tâm lý nô lệ ý thức hệ, tư tưởng ngoại lai đã và đang qui định những hành vi và suy tư của mình. Từ đó nhận thức rõ ràng những lớp sơn văn hóa ngoại lai (Trung Hoa, Ấn Độ, Tây phương) đã và đang bao phủ cốt lõi đạo sống Việt để chúng ta không ngộ nhận văn hóa Việt chỉ là những tư tưởng tổng hợp của Trung hoa, Ấn Độ và Tây phương.

Cái quạt mo tượng trưng cho truyền thống dân tộc. Đó là bản sắc hiếu hòa, tinh thần nhân bản, nhân chủ và dân chủ, với nếp sống hài hòa - hòa cả làng - lấy tình nghĩa làm đầu: một bò cái lý không bằng một tí cái tinh, đặt nền tảng trên trí tuệ (khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống) và tình thương (thương người như thể thương thân). Triết lý sống hài hòa đó bắt nguồn từ nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời nên khác hẳn bản sắc hiếu chiến của Trung Hoa và Tây phương, bắt nguồn từ nền văn hóa gốc du mục.(3)

Cái quạt mo còn biểu tượng cho tinh thần thực tiễn, thực dụng của con người nông dân Việt. Quạt mo làm bằng mo cau, phương tiện sẵn có trong vườn nhà. Cách làm rất đơn giản, không cầu kỳ phức tạp. Cho nên ai cũng có thể làm được. Là người Việt Nam ai cũng có sẵn bản chất Việt trong tâm hồn, ngoại trừ những người chạy theo ngoại bang vì danh vì lợi như phú ông, đầu óc bị đầu độc, bị bật ra khỏi gốc rễ tự đánh mất lương tri con người tức tính người và tình người. Họ không còn tâm Việt hồn Việt, không đứng nổi trên hai chân của chính mình.

Bóc mo cau ra, dùng dao cắt bằng đầu, rồi lược cạnh, lấy sớng mo cau làm cán, rồi chà nhẵn cho hết sớ, hết dằm. Thế là xong, tha hồ sử dụng, tha hồ quăng ném, đập ruồi, đập muỗi, quạt mát, phẩy lò, nhóm bếp, che đầu, v.v... đa dụng và rất bền bỉ. Điều muốn nói ở đây là óc thực tiễn của người nông dân Việt ngày xưa, biết tận hưởng cái gì mình đang có (cái quạt mo với ý nghĩa tượng trưng) và vui thích với việc đồng áng mình đang làm.

Có thể nói người nông dân Việt ngày xưa, với óc thực tiễn, họ chấp nhận hiện thực/thực tại (sự kiện đang xảy ra) mà không có vấn đề với nó. Ngôn từ ngày nay gọi là sống trọn vẹn với hiện tại.

Tiếc thay! Tinh thần thực tiễn đó đã bị xoi mòn. Chịu ảnh hưởng sâu đậm của tinh thần từ chương Tống Nho - tư tưởng Nho học của Khổng Tử đã bị bóp méo, biến thái lạc hậu - Giới trí thức sau Nguyễn Trãi (Hậu Lê), nhất là dưới triều Nguyễn đã làm mất đi tinh thần thực tiễn đó. Nô lệ tư tưởng là nô lệ từ trong tim óc; và từ đó phát sinh tinh thần vọng ngoại, trọng ngoại, sợ ngoại, ý ngoại (ý lại vào ngoại bang). Trông chờ ngoại bang là trông chờ nô lệ. Ý lại ngoại bang là trao trọn sinh mạng và đất nước vào tay người.

Chúng ta thử nhìn ở góc độ nụ cười của Bờm là nụ cười không chấp nhận mà cũng không từ chối. Đó là nụ cười an nhiên tự tại có tác dụng cho những ai đang "sống thực, sống đúng, sống biết" trở về với chính mình, tự biết mình, chuyển hóa tâm thức ngay trên dòng sống hiện thực sinh động của dân tộc.

Còn cái quạt mo là biểu tượng cho tinh hoa, cho những nét đặc trưng của nền minh triết đời sống.

Để hòa mình và hội nhập vào dòng sống dân tộc như thằng Bờm, phú ông phải cảm thụ được những tinh hoa đang nảy nở trong nền giáo dục nhân bản tâm linh Việt.

"Thằng Bờm có cái quạt mo" trong ý nghĩa hòa mình hội nhập vào dòng sống hiện thực sinh động của dân tộc với tâm Việt, hồn Việt và đứng được trên hai chân của chính mình. Dòng sống đó khởi nguồn từ Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất xuyên qua cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước cách nay khoảng 7.000 - 8.000 năm.

Nền văn hóa trồng lúa nước ổn định lâu đời thể hiện nếp sống tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng như đã trình bày ở phần trên.

Nếp sống chan chứa tính người và tình người đó với truyền thống "có việc thì đến hết việc thì đi", cùng với đạo lý "thương người như thể thương thân", tất cả từ lòng người đến với

lòng người chan hòa giàu và nghèo làm cho cuộc sống thêm ý nghĩa; cho nên ở Việt Nam không có phân chia giai cấp (không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời), không có chế độ nô lệ (như Trung Quốc và Tây Phương) hay phân chia đẳng cấp khắc nghiệt (như ở Ấn Độ và Nhật Bản).

Với nếp sống coi mọi người trong xã hội như người cùng một mẹ sinh ra (qua cung cách xưng hô đầy thân thương như chú bác, cô dì, v.v...) cùng sự giáo dục nhân bản tâm linh thời thái giáo, xuyên suốt từ sơ sinh đến già chết qua quá trình "học ăn, học nói, học gói, học mở", với định hướng Biến hóa - Thăng hoa - Hòa đồng thì ai nỡ để người thân mình đói rét, không nơi nương tựa.

Tập tục truyền thống đảm bảo người dân trong làng không bị bỏ đói đã được luật Hồng Đức minh định từ năm 1483.

Luật Hồng Đức buộc quan chức cung cấp lương thực đảm bảo người dân không bị bỏ đói, nơi ở và thuốc men cho người bệnh tật, nghèo khó hay tật nguyên, cô nhi, quả phụ không nơi nương tựa. Luật trừng phạt quan chức không thi hành nghĩa vụ này.

Luật Hồng Đức đã minh định những việc mà 500 năm sau Liên Hiệp Quốc mới đề ra đảm bảo quyền người dân không bị bỏ đói, ghi nơi điều 25 bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc.

Trong nếp sống hàm chứa sẵn tính người và tình người, sự đối kháng giữa giàu và nghèo, tưởng chừng như không thể có sự hòa hợp nếu không muốn nói là tương phản đối nghịch nhau chan hòa trong tính người và tình người, hội nhập, hòa đồng vào dòng sống dân tộc với tình thương hồn nhiên trong sáng thể hiện qua tinh thần tương thân, tương trợ, tương ái và truyền thống "có việc thì đến hết việc thì đi", qua nếp sống chan chứa tình người trong xóm làng. Lòng người luôn rộng mở, là sợi dây vô hình nhiệm mầu gắn bó con người với nhau trong tình người.

"Ở nhà quê mình có cái tình là như vậy. Chú còn nhớ ba cái vụ giúp đỡ, vẫn công với nhau không? Nhất là công việc dựng nhà, lợp nhà là không bao giờ có vụ làm mướn lấy tiền công nghe chú. Người này chỉ đến tiếp giúp người kia đỡ nhà, dựng nhà, lợp nhà dù nhà ngói hoặc nhà lá. Tui tiếp chú, mai một chú tiếp tui, mà đặc biệt là nhiều lúc mình không có cho hay trước nghe chú. Miễn thấy mình lu bu, bận rộn là người lớn trong xóm đích thân tới chẻ lạt, cột dây, đóng đinh, chuyễn lá, chuyễn ngói. Mỗi người một tay cho đến khi nhà kín đáo mới thôi. Còn người lớn nếu bận thì kêu con cháu nhón ra tiếp giúp mình." (Hai Trầu, Lá Thư Từ Kinh Xáng, Thư Ấn Quán, năm 2005, trang 41-42).

Cái Bờm có mà phú ông không có : đó là "cái tình tự làm người"

Bài ca dao "Thăng Bờm có cái quạt mo" là một nghệ thuật dân gian, nhưng khi đi vào lòng người và lòng dân tộc, nó trở thành một ẩn dụ mang tính thông điệp thấm đượm tính người và tình người đi thẳng vào lòng người, rồi phản ảnh trở lại môi trường xã hội:

Một miếng khi đói bằng một gói khi no.

Tình người vươn đến nghệ thuật sống không còn phân biệt ta và người:

Thương người như thể thương thân.

Tất cả từ lòng người đến với lòng người, tình người chan chứa làm cho cuộc sống thêm ý nghĩa:

*May thay ở chốn bình yên,
Thấy người hoạn nạn nữ quên sao đành.
Thấy người hoạn nạn thì thương,
Thấy người đói khát thì nhường miếng ăn.
Thương người bớt miệng mà cho.*

"Nhường miếng ăn", "bớt miệng mà cho"(3), chứ không phải lấy của dư thừa làm vật ban ơn bố thí. Cho nên người biếu / tặng quà không nghĩ là "cho", là "bố thí" để được phước báu, không xem nạn nhân (con người) như là phương tiện trong công việc hành đạo. Người nhận không nghĩ là "xin" trong tinh thần "lá lành đùm lá rách": không còn gì nhân bản hơn.

Thăng hoa, thăng hoa mãi, thăng hoa đến chỗ hòa đồng thân và tâm, thể hiện tình thương hồn nhiên trong sáng ngay hiện tiền, không giáo điều, kinh điển, triết lý, chữ nghĩa, ý thức hệ... như Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nói tự tâm ta, tự thức ta chính là đền thờ, chủ nghĩa là tình thương.

Dòng sông tâm thức của dân tộc đã vươn lên tới chỗ thăng hoa con người trên nền tảng của tâm học dân tộc (trăm hay xoay vào lòng) với định hướng Biến - Hóa - Thăng hoa - Hòa đồng: hòa cùng vũ trụ.

Nói theo ngôn ngữ triết học ngày nay trong nền Minh Triết Việt "lý đối lập" được vận dụng trở thành "đối lập thống nhất", đối lập là bổ sung, tức trong cái này vẫn có cái kia hay ngược lại (rằng trong lẽ phải có cái người cái ta).

Thực tế cho thấy ông cha chúng ta chú trọng tới "chân thật" mang tính thực tiễn của nó, được thực chứng qua chính sự hiện thực và tri thức thực nghiệm hơn là "chân lý" của một triết thuyết mang tính trừu tượng siêu hình, nặng tính thuyết phục.

Ông cha ta đã dạy:

*Trăm nghe không bằng một thấy
Trăm thấy không bằng một lần trải qua.*

Sống tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng, lấy con người làm gốc, với đạo lý "thương người như thể thương thân", thấm đượm sự giáo dục nhân bản tâm linh qua quá trình "học ăn học nói học gói học mở", người Việt vượt qua có không, phải trái với nếp sống: sống thực, sống đúng, sống biết mà ngôn từ ngày nay gọi là "sống tỉnh thức".

Nguồn nội lực an nhiên tự tại tiềm tàng trong con người Việt Nam thể hiện qua nếp sống "hòa cả làng". Tất cả đều "tương đối":

*Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng
Đèn ra trước gió còn chẳng hời đèn.
Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn,*

Cớ sao trăng lại chịu luôn đám mây.

và "tùy thời":

*Đắc thời đắc thế thì khôn,
Sa cơ rông cũng như giun khác nào.*

nhưng người trưởng thành thì luôn nhận thức từng giây phút của hiện tiền, cảm hóa lẫn nhau trong tính người và tình người.

Cho nên nụ cười của Bòm là nụ cười thể hiện sự an lạc của nội tâm, tức an nhiên tự tại, nụ cười tự xoay về với chính mình, tự biết mình, sống trọn vẹn với thực tại hiện tiền, cái đang là.

Trong giây phút đó không ai ngoài Bòm có thể giải thích đầy đủ ý nghĩa sâu sắc nụ cười của Bòm: nụ cười hồn nhiên trong sáng tĩnh lặng, vượt thoát mọi ràng buộc với quá khứ và mọi lo lắng về tương lai cũng như mọi cuốn trôi của hiện tại.

Nói đến nụ cười của Bòm có người liên tưởng đến nụ cười của ông Ca-Diếp: một hôm đức Phật đưa một cành hoa lên trước cử tọa 1.200 vị khất sĩ. Ngài không nói một lời nào. Bỗng nhiên mọi người thấy Ngài mỉm cười. Ngài mỉm cười vì ông Ma-Ha-Ca- Diếp trong đoàn khất sĩ đã mỉm cười khi thấy đức Phật đưa cành hoa lên. Ngài nói: Ta có kho tàng của cái thấy chánh pháp và ta trao truyền kho tàng ấy cho Ca-Diếp.

Câu chuyện nói lên chỉ đầu óc của người nào không bị điều kiện hóa, đang sống trọn vẹn với hiện tại thì mới có thể tiếp xúc thực sự với thực tại, với cái đang là. Nếu đánh mất giây phút hiện thực, ta sẽ mất tất cả.

Nụ cười của Bòm giúp phú ông quay trở về với chính mình, tự biết mình, sống trọn vẹn trong giây phút hiện tại, nhưng bản thân của phú ông không kham nổi.. Điều cốt yếu của bài ca dao chính là nụ cười an nhiên tự tại của Bòm có tác dụng chuyển hóa tâm thức cho những ai đang sống thực, sống đúng, sống biết tức sống tỉnh thức.

Có thể tạm gọi nụ cười của Bòm là nụ cười an nhiên tự tại, nụ cười an lạc, nụ cười tỉnh thức, nụ cười giải thoát, v.v..., muốn đặt tên nó là gì cũng được; mang tên gì hương vị của nó cũng như vậy. Cái thực tại, cái đang là nó như thế nào thì thấy nó như vậy. Điều cốt yếu là sống trọn vẹn với nó trong giây phút hiện tại mà không có vấn đề với nó, không bị thời gian và không gian tâm lý chi phối thì dần dần tâm linh tự phát triển, sự chuyển hóa tâm thức tự thể hiện một cách tự nhiên như nhiên.

An nhiên tự tại, hạnh phúc đích thực, an lạc không trao đổi, mua bán hoặc mưu cầu tìm kiếm bên ngoài; nếu tìm kiếm, nó sẽ lẫn tránh. Nó chỉ hiện hữu ở nội tâm. Cho nên điều cốt yếu là tự ý thức trở về với chính mình, tự biết mình, chuyển hóa tâm thức, một cuộc chuyển hóa toàn bộ cơ cấu tâm lý con người. Ông cha ta thường dạy: "anh đứng trước tôi đứng sau quay cái đầu lại anh sau tôi trước."

"Để thay đổi chính bản thân mình, tự biết mình là điều cần thiết; không biết mình là ai thì chẳng có nền tảng cho những suy nghĩ đúng đắn phát triển, và không biết mình là ai thì chẳng bao giờ gây ra được một biến chuyển nào cả" (J.Krishnamurti - What are you doing with your life, trang 10)

Cho nên khi "phú ông xin đổi nắm xôi Bờm cười" nếu phú ông trực nhận được "cái đang là", phá vỡ định kiến (gà què ăn quần cối xay, kiến bò miệng chén) trở lại với chính mình, tự biết mình, sống trọn vẹn với hiện tiền, với tâm Việt hồn Việt, đứng được trên hai chân của chính mình, mỉm cười với nụ cười của Bờm là tiếp nhận được ngay "cái quạt mo" (cái an nhiên tự tại trong toàn bộ đặc trưng của bản sắc dân tộc như đã trình bày ở phần trên.)

Tóm lại cái kết của nụ cười an nhiên tự tại trở về với chính mình hay soi vào lòng (trăm hay xoay vào lòng) tự biết mình (vì ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình) ngay trong dòng sống hiện thực sinh động của dân tộc, mang tính nhân bản, dân tộc, đại chúng, khai phóng và dung hoá.(4)

Ghi chú:

1/ Thường Nhược Thủy - Đạo Sống Việt, nhà xuất bản Ngày Nay, năm 2000, trang 11.

2/ Long Ân, báo Ngày Nay, số 471 ngày 15 năm 2001.

3/ Truyền thống nhường miếng ăn, bớt miệng mà cho thể hiện rõ nét trong nạn đói 1944-1945, khi nạn đói xảy ra, nhiều gia đình tự nguyện ăn cháo (bớt miệng mà cho, nhường miếng ăn) cung cấp những chén cháo "tình nghĩa", tình làng nghĩa xóm.

Ngày nay tinh thần bớt miệng mà cho bị xoi mòn dần. Khi có tai trời ách nước, người ta thường họp nhau lại, bán vé, tổ chức ăn uống vui chơi, thưởng thức ca nhạc. Sau khi trang trải chi phí, còn dư thừa một ít đem ra bố thí, cứu trợ, giúp đỡ nạn nhân bị tai trời ách nước. Tuy đạo lý dân tộc thương người như thể thương thân, bớt miệng mà cho... bị xói mòn, nhưng có còn hơn không.

4/ Trong quyển "Kho Tàng Ca Dao Người Việt" tập 2, 14 tác giả nhận định qua cái nhìn định kiến chủ quan của mình về bài ca dao "Thằng Bờm Có Cái Quạt Mo", có hai loại ý kiến:

a.- Bờm cười nghĩa là Bờm đồng ý, chấp nhận trao đổi nắm xôi với cái quạt mo.

b.- Cái cười của Bờm là cái cười từ chối.

Bài thơ "Thằng Bờm" được nhìn dưới nhiều khía cạnh: xã hội (tinh thần nông dân đấu tranh chống phong kiến địa chủ áp bức, bóc lột ...), dân tộc tính, kinh tế, tâm lý v.v...("Kho Tàng Ca Dao Tục Ngữ", tập 2, do Nguyễn Xuân Kính chủ biên, nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin, Trung tâm Văn Hóa Ngôn Ngữ Đông Tây, từ trang 2837 đến 2887, năm 2001).

Vĩnh Như

Tủ Sách Việt Thường

www.tusachvietthuong.org